

Số: 2423 /QĐ-UBND

Hiệp Hòa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1995/TTr-TNMT ngày 30/12/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH KD Sports Việt Nam, địa chỉ đường 296, Thị Trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Sản xuất may gia công các mặt hàng may mặc”, địa chỉ thực hiện tại đường 296, Thị Trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Sản xuất may gia công các mặt hàng may mặc”.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường 296, Thị Trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2400339866 do phòng đăng ký kinh doanh – sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2007; thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 2400339866

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các mặt hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại đường 296, Thị Trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: Sản xuất, gia công quần áo may sẵn, quần áo thể thao công suất khoảng 1.000.000 sản phẩm/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào Kênh 1B, thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 5** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH KD Sports Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH KD Sports Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH KD Sports Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND thị trấn Thắng nếu xảy ra các sự cố đối với các

công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND thị trấn Thắng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Thắng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Sản xuất may gia công các mặt hàng may mặc” tại đường 296, Thị Trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH KD Sports Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Thắng; Công ty TNHH KD Sports Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- UBND thị trấn Thắng;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thảo

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 180m³/ngày đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh 1B, thuộc địa phận thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):

(X: 2362 387; Y: 392 763)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 180 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 9 m³/giờ - 25,71 m³/giờ (tính theo 7 -20 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 180m³/ngày.đêm được xả theo phương thức tự chảy về hệ thống kênh 1B, thuộc địa phận thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày

+ Chu kỳ xả: 7 giờ đến 20 giờ/ngày;

+ Xả theo thời điểm trong ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào kênh 1B, thuộc địa phận thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công sinh hoạt, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

Tần suất quan trắc: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải định kỳ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D90 chiều dài 30 m về bể tự hoại 3 ngăn (04 bể tổng thể tích 200m³) để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải theo đường ống PVC D200 chiều dài khoảng 40m về hệ xử lý nước thải sinh hoạt của dự án công suất 180 m³/ngày. đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 180 m³/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại)→ Bể gom/ điều hòa→Bể thiếu khí (Anoxic)→Bể hiếu khí (Aerotank) →Bể lắng→Bể lọc nhanh →Bể khử trùng →Kênh 1B- thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Thông số kỹ thuật: Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m³/ngày là bể hợp khối gồm các bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể lọc nhanh và bể khử trùng.

Kết cấu: Bê tông đáy bể mác 250 dày 200;

Bê tông lót móng mác 150 dày 100;

Thành bể xây gạch đặc dày 220;

Trát hoàn thiện trong, ngoài bể;

Đánh bóng thành trong bể bằng xi măng nguyên chất để chống thấm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Hóa chất	Lượng sử dụng	Đơn vị
1	Javen	40 -45	Lít/ngày
2	Mật mía	30	Kg/tháng

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thoát ra kênh 1B- thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại khoản 4- điều 31 – Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải vào kênh 1B- thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: có 01 nguồn phát sinh khí thải từ hệ thống khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: có 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau 01 hệ thống xử lý khí thải sản xuất.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính

Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2362 337 ; Y: 392 872 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m³/giờ tương đương 36.000 m³/ngày (theo chế độ xả 12 giờ/ngày);

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải gián đoạn (12 giờ/ngày);

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT cột B đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	500
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	CO	mg/Nm ³	1.000
5	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5

Tần suất quan trắc định kỳ: Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo quy định

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò hơi để phục vụ sản xuất được thu gom hệ thống đường ống Ø 60mm – Ø 90 mm và được dẫn đến hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải => chụp hút => ống dẫn khí => Cyclon thu bụi => ống thoát khí thải (đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B).

- Công suất thiết kế: 3.000m³/giờ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

* Biện pháp phòng ngừa.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

* Biện pháp ứng phó.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại khoản 4- Điều 31 – Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày /
/2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 03 vị trí tại trung tâm xưởng sản xuất khu vực máy móc, thiết bị hoạt động. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰):

Vị trí	Tọa độ	
	X	Y
Tại dây truyền xưởng 1	2362 330	392 814
Tại dây truyền xưởng 2	2362 296	392 653
Tại dây truyền xưởng 3	2362 241	392 675

3. Giá trị giới hạn:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

3.2. Tiếng ồn

TT	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21 -6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	06 tháng/lần	Khu vực đặc biệt
2	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.3 Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	06 tháng/lần	Khu vực đặc biệt
2	70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /
/2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: khoảng 1.155 kg/năm, gồm:

TT	Tên chất thải	Mã	Trạng thái	Đơn vị	Khối lượng tối đa
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	18 01 03	Rắn	kg/năm	50
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	18 01 02	Rắn	kg/năm	500
3	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	kg/năm	100
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	kg/năm	0
5	Giẻ lau, găng tay nhiễm TPNH	18 02 01	Rắn	kg/năm	230
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	kg/năm	200
7	Vỏ hộp mực in nhiễm TPNH	08 02 04	Rắn	kg/năm	05
8	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	Rắn	kg/năm	10
Tổng					1.155

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt: Chai, lọ, túi nilon, thực phẩm, thức ăn thừa, băng vệ sinh...	5~10 kg/ngày (tối đa 20kg/ngày)
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Vải vụn, da vụn, đầu chỉ, cúc áo hỏng các loại, khóa hỏng các loại, thùng carton, nilon...	500 tấn/năm

- Lượng bùn thải phát sinh từ bể tự hoại khoảng 20 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Kho phân chia thành 08 ô riêng biệt; có gờ bao quanh, lưu trữ chất thải riêng biệt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa xây dựng có mái che, tường xây gạch, trát vữa xi măng mác 75, nền đổ bê tông

- Định kỳ dự án thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất dự kiến là 06 tháng/lần, hoặc khi bể/thùng chứa gần đầy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 40 m².

- Xây dựng kho chứa CTNH với diện tích 40 m² (dài 8m, rộng 5m), kết cấu kho được thiết kế mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không có;

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải trong nhà

- Diện tích kho chứa: 150m²

- Thiết kế của khu chứa chất thải: Kho chứa xây dựng có mái che, chia làm từng khoang cụ thể, tường xây gạch, trát vữa xi măng mác 75, nền đổ bê tông;

- Định kỳ dự án thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất dự kiến là 02 lần/tuần, hoặc khi bể/thùng chứa gần đầy

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy có dung tích 60 lít/thùng; 120 lít/thùng.

- Số lượng:
 - + Thùng chứa dung tích 60 lít/thùng: khoảng 05 thùng;
 - + Thùng chứa dung tích 120 lít/thùng: khoảng 04 thùng;
- Định kỳ dự án thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần xuất dự kiến là 2 lần/tuần.

2.3.2. Kho lưu chứa: không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.